

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 97/2017/HSST

Ngày 24-7-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà **Lê Thị Toan** – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

2. Bà **Tô Thị Lành** – Cán bộ hưu trí phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Vũ Đình Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông **Phan Văn Hóa** - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2017 tại Toà án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 10/3/2017 đối với bị cáo:

- **Lê V. P**, sinh năm: 1986 tại tỉnh B. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông: Không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ và bà Lê T. D, sinh năm 1946. Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 1988.

Có vợ là Nguyễn T. M. T. Sinh năm 1988 và 01 người con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 31/10/2016 đến ngày 09/11/2016 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ngày 25/01/2017, được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt

*** Người đại diện hợp pháp của người bị hại:**

- Bà Nguyễn T. T, sinh năm 1967 (Là mẹ của PhanT – đã chết); trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B. Vắng mặt

- Ông Hồ V. V. C, sinh năm 1967 và bà H. T. H, sinh năm 1965 (Là cha và mẹ của Hồ D - đã chết); trú tại: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B. Vắng mặt

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần V. Đ, sinh năm 1969; trú tại: thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Có mặt
- Ông Trần K. V, sinh năm 1974; trú tại: đường L, tổ 11, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê V. P có giấy phép lái xe ô tô hạng D theo quy định. Vào khoảng 01 giờ 20 phút ngày 31/10/2016, sau khi bốc khoảng 1,5 tấn hàng tươi sống (Cá, rau...) tại chợ đêm thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. P điều khiển xe ô tô tải biển số 82K-5662 theo đường Phạm Văn Đồng để đi về thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cùng đi theo xe có phụ xe là anh Nguyễn C. L. Đến khoảng 01 giờ 40 phút cùng ngày, xe ô tô do P điều khiển đi đến trước số nhà 1035 đường Phạm Văn Đồng, thuộc làng Bruk Ngol, phường Yên Thế, thành phố Pleiku thì phát hiện phía trước có xe mô tô biển số 81R1-0351 do anh Phan T điều khiển chở anh Hồ D đang chuyển hướng từ cây xăng dầu Yên Thế ra đến giữa đường Phạm Văn Đồng theo hướng về thành phố Pleiku. Lúc này, P đạp phanh, đồng thời đánh tay lái điều khiển xe ô tô đi sang phần đường trái (Theo hướng đi của xe ô tô do P điều khiển) nhằm mục đích để tránh xe mô tô. Nhưng do tốc độ xe ô tô do P điều khiển chạy nhanh nên cản trước bên phải của xe ô tô đã tông thẳng vào xe mô tô. Hậu quả làm anh T chết tại chỗ; anh D bị thương nặng và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện quân y 211, đến 13 giờ 30 phút ngày 31/10/2016 thì anh D chết.

Xe mô tô biển số 81R1-0351 bị hư hỏng nặng. Vào lúc 07 giờ ngày 31/10/2016, Lê V. P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 401 ngày 03/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận nguyên nhân chết của bị hại Phan T là do: “*Vỡ nát sọ + Đa chấn thương do tai nạn giao thông*”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 402 ngày 07/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận nguyên nhân chết của bị hại Hồ D là do: “*Vỡ nát sọ do tai nạn giao thông*”.

Về dân sự: Sau khi gây tai nạn, bị cáo Lê V. P đã tác động chủ xe ô tô tải biển số 82K-5662 là ông Trần V. Đ bồi thường toàn bộ chi phí mai táng cho người đại diện hợp pháp của bị hại Phan T là bà bà Nguyễn T. T với tổng số tiền là 75.000.000 đồng; bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Hồ D là ông

Hồ V. C và bà Huỳnh T. H với tổng số tiền là 85.000.000 đồng. Hiện người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với xe mô tô biển số 81R1-0351, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu là ông Trần K. V. Qua định giá, xác định giá trị tài sản thiệt hại của chiếc xe này là 4.400.000đồng. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại xe cho ông V. Hiện ông V đã được ông Trần V. Đ bồi thường số tiền là 8.000.000đồng nên không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với xe ô tô biển số 82K-5662, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu là ông Trần V. Đ. Sau khi giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại xe cho ông Đ. Hiện ông Đ không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với giấy phép lái xe số 520143000416, hạng D mang tên Lê V. P, do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 10/01/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận giám định pháp y số 401 ngày 03/11/2016 và số 402 ngày 07/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 09/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê V. P về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê V. P mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2016 đến ngày 25/01/2017.

* Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

* Bị cáo Lê V. P nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy hối hận. Bị cáo xin Hội đồng xét xử áp dụng cho hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được đoàn tụ với vợ con.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình; lời khai của bị cáo phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y; kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông và dấu vết trên các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 31/10/2016, tại trước số nhà 1035 đường Phạm Văn Đồng, thuộc làng Bruk Ngol, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Lê V. P điều khiển xe ô tô tải biển số 82K-5662 khi đi xuống dốc và khi có chướng ngại vật ở phía trước là xe mô tô biển số 81R1-0531 do anh Phan T điều khiển chở anh Hồ D đang chuyển hướng qua đường, đã không giảm tốc độ của xe ô tô đến mức không nguy hiểm để đảm bảo an toàn giao thông, điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường và xử lý kém nên đã gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả làm các anh T và D chết và gây thiệt hại về tài sản đối với xe mô tô biển số 81R1-0351 là 4.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào quy định tại các Điều 8, 9 và 12 của Luật Giao thông đường bộ; vi phạm quy định tại các Khoản 1 và 4 Điều 5 của Thông tư số 91 ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Bị cáo đã được giấy phép lái xe ô tô hạng D theo quy định nên khi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, bị cáo phải thấy trước hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ của mình có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội nhưng bất chấp các quy định này. Vì vậy, hành vi của bị cáo Phúc đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” với tình tiết định khung tăng nặng: “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại tính mạng, tài sản của người khác. Hậu quả do bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng gây đau thương mất mát cho gia đình người bị hại, làm thiệt hại về tài sản, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đã tác động chủ xe bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của người bị hại và bồi thường thiệt hại cho chủ xe mô tô bị hư hỏng; người đại diện hợp pháp của người bị hại và chủ xe mô tô không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; nguyên nhân xảy ra tai nạn cũng do một phần lỗi của người bị hại là anh Phan T điều khiển xe mô tô chuyển hướng qua đường nhưng không chú ý quan sát để đảm bảo an toàn giao thông. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về dân sự:

Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Ông Trần V. Đ là người bồi thường toàn bộ chi phí mai táng cho người đại diện hợp pháp của người bị hại và tiền tiền thiệt hại của xe mô tô và không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền bồi thường này. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại xe mô tô biển số 81R1-0351 và xe ô tô biển số 82K-5662 cho chủ sở hữu và các chủ sở hữu không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với giấy phép lái xe số 520143000416, hạng D mang tên Lê V. P, do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 10/01/2014 cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Lê V. P phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê V. P 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giam trước đây từ ngày 09/11/2016 đến ngày 25/01/2017.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự;

Trả lại cho bị cáo Lê V. P 01 Giấy phép lái xe có số 520143000416 hạng D mang tên Lê V. P do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 10/01/2014.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2017 giữa cơ quan CSĐT công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku).

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Lê V. P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Pleiku;
- Công an Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia lai;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa